

TÌNH HÌNH SỐT RẾT KHU VỰC MIỀN TRUNG - TÂY NGUYÊN 12 THÁNG NĂM 2009

TT	Tên tỉnh	Bệnh nhân sốt rét			Số sốt ác tính			Tử vong do sốt rét			Kỷ sinh trùng sốt rét										Tổng hiệu	
		12th09	12th08	% (+; -)	12th09	12th08	% (+; -)	12th09	12th08	% (+; -)	I _{am} +que thử	(+)	P.f	P.v	P.H	P.m	%12th09	%12th08	% (+; -)	thước sử dụng		
1	Quảng Bình	1701	2124	-19.92	8	2	300.00	1	0	(+)	34577	266	233	33			0.77	1.09	-29.20	19515		
2	Quảng Trị	2014	1698	18.61	5	4	25.00	1	1	0.00	58765	1329	1227	90	12		2.26	2.21	2.52	16777		
3	T.T - Huế	369	399	-7.52	0	0		0	0		20573	94	56	38			0.46	0.43	5.77	10173		
4	TP Đà Nẵng	34	36	-5.56	0	0		0	0		5605	18	12	6			0.32	0.37	-14.01	107		
5	Quảng Nam	1537	1329	15.65	0	5	-100.00	0	1	-100.00	68012	848	596	230	22		1.25	0.90	37.86	6075		
6	Quảng Ngãi	321	391	-17.90	2	2	0.00	0	0		42266	108	88	20			0.26	0.07	281.71	6631		
7	Bình Định	398	307	29.64	0	1	-100.00	0	0		60222	303	232	64	7		0.50	0.29	73.68	10313		
8	Phú Yên	831	470	76.81	16	3	433.33	3	0	(+)	77216	505	427	74	4		0.65	0.31	110.51	4436		
9	Khánh Hoà	2591	2559	1.25	6	17	-64.71	1	1	0.00	60226	1235	914	250	44	27	2.05	1.19	72.20	7308		
10	Ninh Thuận	1623	1670	-2.81	28	16	75.00	3	2	50.00	51439	1058	874	175	9		2.06	1.91	7.91	17273		
11	Bình Thuận	720	450	60.00	1	2	-50.00	0	0		109992	628	450	168	10		0.57	0.28	102.49	8719		
12	Gia Lai	4221	2382	77.20	21	16	31.25	3	5	-40.00	138330	2826	2568	248	10		2.04	1.10	86.03	6130		
13	Kon Tum	1719	1942	-11.48	6	2	200.00	1	1	0.00	106971	326	289	36	1		0.30	0.17	81.52	20497		
14	Đắk Lắk	2648	2019	31.15	19	11	72.73	2	2	0.00	228018	1329	1146	175	8		0.58	0.33	78.16	6576		
15	Đắk Nông	1604	1709	-6.14	1	4	-75.00	1	1	0.00	58230	700	558	137	5		1.20	0.92	31.02	4901		
	M. Trung	12139	11433	6.18	66	52	26.92	9	5	80.00	588893	6392	5109	1148	108	27	1.09	0.80	35.58	107327		
	T. Nguyễn	10192	8052	26.58	47	33	42.42	7	9	-22.22	531549	5181	4561	596	24	0	0.97	0.56	74.68	38104		
	Toàn miền	22331	19485	14.61	113	85	32.94	16	14	14.29	1120442	11573	9670	1744	132	27	1.03	0.69	49.22	145431		